

BỘ GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO

**HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ-HÀNH CHÍNH
QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH**

ĐINH THANH TÚ

**QUÁ TRÌNH ĐẤU TRANH
CỦNG CỐ ĐỘC LẬP DÂN TỘC
CỦA CỘNG HOÀ INDONESIA
(1967 - 1998)**

Chuyên ngành: Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân
quốc tế và giải phóng dân tộc

Mã số: 62 22 52 01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SỸ LỊCH SỬ

HÀ NỘI, THÁNG 8 - 2010

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH**

Người hướng dẫn khoa học: **1. PGS, TS PHẠM THÀNH DUNG**
2. TS THÁI VĂN LONG

Phản biện 1: PGS,TS NGHIÊM ĐÌNH VỠ
Ban Tuyên giáo Trung ương

Phản biện 2: PGS,TSKH TRẦN KHÁNH
Viện Khoa học xã hội Việt Nam

Phản biện 3: PGS,TS VÕ KIM CƯỜNG
Viện Sử học

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp nhà nước họp tại: Phòng 106B, Nhà A14 Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

Vào hồi: 14 giờ 00 ngày 11 tháng 8 năm 2010

Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện quốc gia và Thư viện
Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN TRỰC TIẾP ĐẾN NỘI DUNG LUẬN ÁN

1. Đinh Thanh Tú (2007): *Indonesia trong liên kết ASEAN những năm đầu thế kỷ XXI*. T/c Giáo dục lý luận, số 4.
2. Đinh Thanh Tú & Thái Văn Long (2007): *Xu thế đấu tranh củng cố độc lập dân tộc của các nước đang phát triển trong bối cảnh Toàn cầu hóa*. T/c Lý luận chính trị, số 12.
3. Đinh Thanh Tú (2008): *Giải quyết vấn đề xung đột tôn giáo - sắc tộc ở Aceh (miền Bắc Sumatra – Indonesia)*. Thông tin Quốc tế, Viện QHQT — Học viện CT, HC Quốc gia Hồ Chí Minh, số 1/2008.
4. Đinh Thanh Tú & Trần Hiệp (2008): *Hợp tác quân sự giữa Nga với một số nước ASEAN sau chiến tranh lạnh*. T/c Nghiên cứu Đông Nam Á, 2/2008.
5. Đinh Thanh Tú (2008): *ASEAN trong chính sách “ngoại giao láng giềng” của Trung Quốc sau chiến tranh lạnh*. T/c Giáo dục lý luận, số 2/2008.
6. Đinh Thanh Tú & Phạm Thanh Hà (2008): *Những nhân tố tác động đến độc lập dân tộc của các nước đang phát triển trong xu thế toàn cầu hóa*. T/c Châu Phi và Trung Đông, 4/2008.
7. Đinh Thanh Tú (2008): *Về tình hình cải cách chính trị ở Indonesia sau năm 1998*. T/c Nghiên cứu Đông Nam Á, 7/2008.
8. Đinh Thanh Tú & Phạm Thành Dung (2008): *Những tiền đề cơ bản định hướng đường lối đối ngoại của Indonesia từ khi giành độc lập đến nay*. T/c Khoa học chính trị, 8/2008.
9. Đinh Thanh Tú (2008): *Khủng bố và cuộc chiến chống khủng bố ở Indonesia hiện nay*. T/c Giáo dục lý luận, số 8/2008.
10. Đinh Thanh Tú & Hoàng Phúc Lâm (2008): *Xu thế đa dạng hoá, đa phương hoá, hội nhập khu vực và quốc tế hiện nay*. T/c Cộng sản điện tử, 11/2008.
11. Tham gia viết bài “*Tuyên bố Bali II và những đóng góp của Indônêxia trong sự phát triển của ASEAN đầu thế kỷ XXI*” tại Hội thảo kỷ niệm 40 năm thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN): “*Xây dựng cộng đồng ASEAN trong bối cảnh quốc tế mới*” do Viện KHXH Việt Nam tổ chức ngày 7/8/2007.
12. Hoàng Phúc Lâm, Trần Hiệp, Đinh Thanh Tú (2008): *Việt Nam với các nước trong khu vực và trên thế giới: Vấn đề - Sự kiện*. Sách tham khảo, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Đấu tranh củng cố độc lập dân tộc (ĐLDT), lựa chọn con đường phát triển phù hợp là vấn đề chiến lược và có ý nghĩa quan trọng đối với các nước đang phát triển. Việc lựa chọn đúng chính là sự tiếp tục bảo vệ và củng cố nền ĐLDT một cách tốt nhất. Hiện nay xuất hiện những quan niệm và cách tiếp cận mới về ĐLDT và đấu tranh củng cố ĐLDT. Cùng với đó, việc chọn lựa con đường phát triển theo hướng độc lập, tự chủ luôn là vấn đề được coi trọng trong chiến lược phát triển của mọi quốc gia trên thế giới. Vì nội hàm của ĐLDT hiện nay rộng hơn cho nên các cách thức, con đường để đi đến củng cố nền ĐLDT cũng đa dạng hơn. Vì vậy, việc tìm hiểu về những con đường phát triển của các nước trong khu vực và trên thế giới là cần thiết.

Indonesia là nước có diện tích và dân số lớn nhất khu vực Đông Nam Á (ĐNA), từ khi giành được ĐLDT (1945) đến nay đã trải qua nhiều giai đoạn để tìm ra con đường bảo vệ ĐLDT và phát triển tốt nhất. Tuy đã có một số thành công, song hiện nay vẫn đang phải đối mặt với nhiều vấn đề phức tạp như: chênh lệch trình độ phát triển; bảo đảm sự toàn vẹn lãnh thổ; tham nhũng, mất dân chủ; sắc tộc, tôn giáo, khủng bố... Nguyên nhân sâu xa của các vấn đề trên là do những hạn chế trong việc thực hiện các chính sách phát triển kinh tế — xã hội của đất nước không được khắc phục kịp thời, ngày càng tích tụ và đưa đến những mâu thuẫn, bất đồng trong xã hội. Việc nghiên cứu một cách có hệ thống về những chính sách kinh tế, chính trị, xã hội được thực hiện trong từng giai đoạn phát triển của Indonesia từ 1945 đến nay sẽ giúp chúng ta so sánh, đánh giá một cách khách quan về những thành công và hạn chế, từ đó rút ra một số vấn đề lý luận và thực tiễn cho sự phát triển của các quốc gia trong bối cảnh hiện nay.

Quá trình đấu tranh giành, giữ và củng cố ĐLDT của Indonesia từ 1945 đến nay trải qua nhiều giai đoạn với việc lựa chọn chính sách cụ thể khác nhau. Trong giai đoạn 1967 - 1998, trước những tác động của tình hình thế giới, khu vực và thực tế phát triển của đất nước, Indonesia đã ưu tiên thực hiện các chính sách kinh tế, chính trị, xã hội, đối ngoại... nhằm tạo nên một sức mạnh tổng thể và khẳng định nền ĐLDT của Indonesia trong cộng đồng thế giới. Nghiên cứu về giai đoạn 1967 — 1998 của Indonesia sẽ góp phần làm sáng tỏ luận điểm: trong cuộc đấu tranh bảo vệ và củng cố ĐLDT của các nước đang phát triển, xuất phát từ những điều kiện và mục tiêu cụ thể, mỗi quốc gia sẽ lựa chọn một phương pháp phù hợp nhất.

Việt Nam và Indonesia là hai nước có nhiều điểm tương đồng về lịch sử, văn hoá và quá trình đấu tranh giành ĐLDT. Hiện nay Việt Nam đang

phấn đấu thực hiện mục tiêu trở thành một nước công nghiệp vào năm 2020. Những nhiệm vụ kinh tế, xã hội mà nước ta đang thực hiện có nhiều điểm tương tự như nhiệm vụ mà Indonesia đã làm trong giai đoạn 1967 — 1998. Nên việc nghiên cứu về các chính sách phát triển dưới thời Tổng thống Soeharto sẽ góp phần cung cấp cho Việt Nam những bài học từ thành công và chưa thành công của Indonesia trong quá trình bảo vệ và xây dựng đất nước. Đồng thời làm phong phú hơn sự hiểu biết, tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa hai nước.

Từ các lý do trên, tôi đã chọn vấn đề: *“Quá trình đấu tranh củng cố độc lập dân tộc của Cộng hòa Indonesia (1967 - 1998)”* làm hướng nghiên cứu cho đề tài luận án Tiến sĩ lịch sử, chuyên ngành Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc.

2. Mục đích và nhiệm vụ của luận án

2.1. Nghiên cứu các chính sách phát triển nhằm nâng cao sức mạnh đất nước, củng cố ĐLDT và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ mà Indonesia đã thực hiện trong giai đoạn 1967 — 1998; đánh giá thành công, hạn chế và chỉ ra mối liên quan giữa chúng đối với những vấn đề cần giải quyết của Indonesia hiện nay; rút ra một số bài học về việc thực hiện tốt nhất các chính sách phát triển trong đấu tranh củng cố ĐLDT và toàn vẹn lãnh thổ.

2.2. Luận án giải quyết các nhiệm vụ sau:

- Phân tích những nhân tố tác động đến quá trình đấu tranh củng cố ĐLDT của Indonesia giai đoạn 1967 - 1998.

- Tìm hiểu một số chính sách cơ bản mà Indonesia đã thực hiện trong giai đoạn 1967 - 1998; so sánh với các giai đoạn trước và sau để đánh giá hiệu quả của chính sách đó.

- Phân tích những vấn đề đặt ra và rút ra một số kinh nghiệm thành công và chưa thành công từ quá trình đấu tranh củng cố ĐLDT của Indonesia.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu của luận án là: Quá trình đấu tranh củng cố ĐLDT của Indonesia giai đoạn 1967 — 1998. Vấn đề được tiếp cận là các chính sách phát triển đất nước của Nội các Tổng thống Soeharto và những vấn đề phát sinh từ thực tế phát triển của Indonesia giai đoạn này...

3.2. Phạm vi nghiên cứu của luận án là: Các chính sách, biện pháp cụ thể được thực hiện trong giai đoạn 1967 - 1998 nhằm phát triển và củng cố ĐLDT; Phân tích những thuận lợi, khó khăn đặt ra đối với việc củng cố ĐLDT của Indonesia giai đoạn này; Đánh giá thành công, hạn chế và rút ra một số kinh nghiệm cho các nước đang phát triển.

4. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận: Những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về: Hình thức kinh tế, xã hội, thời đại, vấn đề dân tộc và quyền tự quyết dân tộc...; Tham khảo và chọn lọc một số quan điểm lý luận của các học giả tư sản và dân tộc chủ nghĩa để phân tích, nghiên cứu một số vấn đề như: Nền dân chủ tư sản, vai trò của nhà nước pháp quyền tư sản trong việc ban hành các biện pháp củng cố, bảo vệ ĐLDT của quốc gia...

4.2. Phương pháp nghiên cứu: Những nguyên lý, phương pháp luận cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; phương pháp lịch sử, logic và một số khác phương pháp như: phân tích, tổng hợp, so sánh, đối chiếu, thống kê, dự báo □

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

- Góp phần làm sáng tỏ thêm về một trong nhiều con đường đấu tranh củng cố ĐLDT của các nước trong bối cảnh quốc tế hiện nay.

- Nhìn nhận khách quan về những thành công, hạn chế và tác động của các chính sách kinh tế, chính trị, xã hội mà Indonesia thực hiện trong giai đoạn 1967 — 1998 đối với việc giải quyết các vấn đề kinh tế — xã hội, củng cố ĐLDT và toàn vẹn lãnh thổ của Indonesia hiện nay.

- Có thể rút ra một số kinh nghiệm bước đầu (*thành công, chưa thành công*) trong lý luận và thực tiễn phát triển của các nước và của Việt Nam.

6. Bố cục của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và tài liệu tham khảo, luận án gồm 4 chương. Với nội dung các chương như sau:

Chương 1: *Tổng quan*

Chương 2: *Bối cảnh lịch sử của quá trình đấu tranh củng cố độc lập dân tộc của Cộng hòa Indonesia giai đoạn 1967 – 1998*

Chương 3: *Đấu tranh củng cố độc lập dân tộc của Cộng hòa Indonesia giai đoạn 1967 – 1998*

Chương 4: *Một số vấn đề đặt ra và những kinh nghiệm từ quá trình củng cố độc lập dân tộc của Cộng hòa Indonesia*

Chương 1 TỔNG QUAN

Nghiên cứu về quá trình đấu tranh giành và củng cố độc lập dân tộc của các nước đang phát triển nói chung, các nước khu vực ĐNA nói riêng là chủ đề thu hút sự chú ý của nhiều nhà nghiên cứu, nhiều chính trị gia trong và ngoài nước. Nằm trong khu vực ĐNA, sự phát triển của Indonesia luôn gắn bó với sự phát triển của các quốc gia trong khu vực, vì vậy các nguồn tài liệu nghiên cứu về quốc gia này cũng gắn bó mật thiết với các công trình nghiên cứu về ĐNA nói chung.

Để bảo đảm tính khoa học, trong khuôn khổ nội dung luận án, tác giả đã tham khảo một số tư liệu gốc, đó là:

(1) Các bản dịch tiếng Việt tại thư viện Viện KHXH Việt Nam như *Hiến pháp nước Cộng hoà Indonesia 1945*; *Sắc lệnh số 1/1962 của Tổng thống nước Cộng hoà Indonesia về việc thành lập tỉnh miền Tây Irian*, (Soekarno, 1962);

(2) Các tài liệu tiếng Indonesia gồm: *Chương trình Trilogi Pembangunan* (Chương trình “Xây dựng Quốc gia” trên 3 lĩnh vực chính trị, kinh tế và xã hội của Soeharto, ban hành năm 1969); *Lingkarans Konsentris Indonesia* (“Vòng tròn đồng tâm” trong chính sách đối ngoại của Indonesia); *Dự án Wajib Belajar* (“Yêu cầu bắt buộc đi học” của Soeharto); *Chính sách Badan Kebijakan Perumahan Nasional - BKBN* (“Chính sách Nhà cửa quốc gia” của Soeharto, ban hành năm 1972) *Chương trình Keluarga Berencana — KB* (Chương trình “Kế hoạch hóa gia đình” của Soeharto, ban hành năm 1970);

(3) Tài liệu của Bộ Ngoại giao Việt Nam như: *Hiến chương ASEAN*; *Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác (TAC – Treaty of Amity and Cooperation)*; *Tuyên bố về sự Hoà hợp ASEAN II (Tuyên bố Hoà hợp Bali II)*;...

Bên cạnh đó, tác giả luận án đã tiếp cận với một khối lượng tài liệu tham khảo lớn của các nhà nghiên cứu Indonesia, các học giả nước ngoài và các nhà khoa học Việt Nam. Đây là nguồn tài liệu quan trọng tập trung nghiên cứu trên nhiều phương diện: địa lý, lịch sử, văn hoá, dân tộc tôn giáo, đặc điểm phát triển kinh tế — xã hội, những chiến lược phát triển kinh tế vĩ mô... của các nước ĐNA và Indonesia. Đây là cơ sở và là cứ liệu quan trọng để nghiên cứu sinh tập hợp nguồn tư liệu khoa học nhằm tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về những vấn đề liên quan đến nội dung của luận án.

1.1. Các kết quả nghiên cứu đã đạt được

1.1.2. Tiếp cận dưới góc độ nghiên cứu lịch sử phát triển và cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của Indonesia

Tài liệu của các nhà nghiên cứu nước ngoài:

Lịch sử ĐNA của D.G.E.Hall; Histoire de l'Indonésie của Jean Bruhat; Con đường đi đến độc lập của Indonesia của Jan Pluvier, Xã hội Indonesia và cách mạng Indonesia và Cách mạng Indonesia và nhiệm vụ cấp bách của Đảng cộng sản Indonesia của D.N.Aidich;... Các công trình nêu trên đã tìm hiểu về lịch sử ra đời, phát triển, quá trình bị thực dân phương Tây xâm lược, sự thiết lập chế độ cai trị thuộc địa của Hà Lan và cuộc đấu tranh giành ĐLDT của nhân dân Indonesia. Với nguồn tài liệu phong phú từ sử sách, văn bia và tổng hợp của nhiều nghiên cứu khác, đây là những công trình khoa học rất có giá trị.

Tài liệu của các nhà nghiên cứu Việt Nam:

Lịch sử Đông Nam Á do GS Lương Ninh làm chủ biên; Lược sử Indonesia của Võ Văn Nhung; Tìm hiểu lịch sử - văn hóa các nước ĐNA hải đảo của Ngô Văn Doanh, Nguyễn Huy Hồng, Nguyễn Đức Ninh và Phạm Thị Vinh; Indonesia, đất nước- con người và Indonesia những chặng đường lịch sử của Ngô Văn Doanh... là những công trình nghiên cứu khái quát về đất nước, con người, lịch sử phát triển, ngôn ngữ, kinh tế, tôn giáo, văn học, phong tục tập quán của Indonesia. Đặc biệt bài: *Tâm lý hướng tới sự “Thống nhất trong đa dạng” của người Indonesia* của Ngô Văn Doanh đã trình bày khá cụ thể về văn hoá Indonesia, những thông tin trong bài viết này là nguồn tham khảo tốt để hiểu sâu hơn về chính sách “thống nhất trong đa dạng” của Indonesia.

1.1.2. Về việc lựa chọn con đường phát triển kinh tế – xã hội nhằm củng cố độc lập dân tộc và phát triển đất nước của Indonesia

Công trình nghiên cứu của các học giả nước ngoài:

Công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu: Kinh nghiệm của các nước ASEAN của Mohamed Ariff và Hal Hill; Lịch sử ĐNA hiện đại của Clive J.Christie; Chủ nghĩa thực dân là một thứ cần phải loại trừ khỏi thế giới của Soekarno; Indonesia's foreign policy của Leifer Michael... Các công trình này nghiên cứu về quá trình công nghiệp hóa; các vấn đề dân tộc, sắc tộc, tôn giáo; quan điểm của các nhà lãnh đạo Indonesia trong việc lựa chọn các chính sách phát triển đất nước; những điều chỉnh trong chính sách đối ngoại, an ninh quốc phòng, kinh tế... qua các giai đoạn phát triển....

Cần đề cập đến hai tác phẩm: *Soeharto A political biography* của R.E.Elson và *Indonesia Today – Challenges of History* của Grayson LLOYD và Shannon Smith. Trong tác phẩm thứ nhất, Elson đã phân tích kỹ

về đường lối chính trị mà Tổng thống Soeharto thực hiện trong hơn 30 năm, từ đó nhận xét, đánh giá về những thành công và hạn chế. Để đưa ra những đánh giá, tác giả đã căn cứ vào nguồn tài liệu gốc của Indonesia, vì vậy đây là nguồn tư liệu rất quan trọng để tham khảo. Cuốn sách của Grayson Lloyd và Shannon Smith là một công trình nghiên cứu mang tính tổng hợp về lịch sử phát triển của Indonesia từ 1945 đến nay, đề cập đến 3 lĩnh vực chủ yếu là chính trị, kinh tế và văn hoá. Giai đoạn 1967 — 1998 được phân tích, đánh giá, so sánh với các giai đoạn trước và sau; từ đó nhìn nhận về những thành công, hạn chế của Tổng thống Soeharto.

Các nhà nghiên cứu Indonesia đã công bố nhiều tài liệu về Tổng thống Soeharto gắn với giai đoạn 1967 — 1998 ở nhiều góc độ khác nhau như: *Soeharto Memang “Hebat”* (Soeharto thực sự “tài giỏi”) của Purwanto H.Wawa; *Menguak Misteri Kekuasaan Soeharto* (Vén tấm màn bí mật quyền lực Soeharto) của Warday T.Baskara; *Nekara Rezim Soeharto* (Địa ngục thời kỳ Soeharto) của Margiyono Yunanto, Tri và Kurniawan; *Indonesia Beyond Soeharto, negara, ekonomi, masyarakat, transisi* (Indonesia dưới quyền Soeharto, quốc gia, kinh tế, người dân và sự chuyển giao) của Emerson K. Donald... Qua đó phản ánh khá rõ về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội... của Indonesia giai đoạn 1967 — 1998.

Các công trình nghiên cứu về các lĩnh vực cụ thể như: *Budaya Indonesia, Kajian Arkeologi, Seni, dan Sejarah* (Văn hoá Indonesia, đánh giá khảo cổ, nghệ thuật và lịch sử) của Sedyawati Edi; *Politik Indonesia dalam Perspektif Sejarah* (Chính trị Indonesia trong bối cảnh lịch sử) của Warday T.Baskara; Tập hợp các bài phỏng vấn về kinh tế, chính trị của Gunawan Haryono, Daddi Prianto, Agus Sukapti, Sri, Yulia Nuraini và Ratna về *Indonesia yang Berubah* (Indonesia đang thay đổi), □ Đây là nguồn tư liệu phong phú và đã được kiểm định.

Các học giả Việt Nam

Việc chuyển đổi cơ chế trong chính sách kinh tế Indonesia vào thời điểm 1966, 1967 được tác giả Hoa Hữu Lân phân tích kỹ trong hai cuốn sách *Quá trình chuyển đổi sang kinh tế thị trường của các nước đang phát triển (Kinh nghiệm của Indonesia)* và *Kinh tế Indonesia: Thực tế và thách thức*. Từ đó chỉ ra những thành công, hạn chế trong các chính sách kinh tế, về khủng hoảng kinh tế, chính trị các năm 1997, 1998 và bước đầu đánh giá triển vọng kinh tế Indonesia trong thập niên đầu thế kỷ XXI.

Nguyễn Huy Hồng, Phạm Thị Vinh, Lê Thanh Hương với việc nghiên cứu về các vấn đề “nóng” ở Indonesia như: *Vấn đề Aceh ở Indonesia; Xung đột giữa người Dayak và Madura ở Tây Kalimantan (Borneo), Indonesia; Indonesia trong cuộc chiến chống khủng bố...* Với những góc độ tiếp cận khác nhau, đây là nguồn tài liệu tham khảo rất tốt.

Một lượng lớn bài viết đăng trên các tạp chí như: *Một số vấn đề trong chính sách đối ngoại của Cộng hoà Indonesia dưới chế độ Tổng thống Soekarno* của Nguyễn Thị Thanh Thủy; *Indonesia: Lý thuyết điều chỉnh chính sách- cách nhìn lịch sử và bài học kinh nghiệm* của Nguyễn Văn Hồng; *Đầu tư trực tiếp của các nền kinh tế công nghiệp mới châu Á (NIEs) trong nền kinh tế Indonesia gần đây* của Lưu Ngọc Trinh; *Indonesia qua những con số* của Trần Trọng Ngợi; *Cải cách kinh tế Indonesia từ đầu thập kỷ 80 đến nay và Tác động xã hội của khủng hoảng tài chính ở Indonesia* của Nguyễn Văn Hà; *Indonesia – Tiếp bước trên con đường dân chủ và Đảng Goikar trên chính trường Indonesia* của Nguyễn Huy Hồng; *Người Hoa ở Indonesia với cuộc khủng hoảng tài chính – tiền tệ của Châu Thị Hải*; *Chính sách ngôn ngữ ở Indonesia trong hai thập kỷ qua* của Đoàn Văn Phúc; *Tác động của sự mất ổn định ở Indonesia đối với DNA* của Phạm Văn Đức; các bài viết tham gia hội thảo khoa học nhân dịp kỷ niệm 30 năm, 40 năm phát triển của ASEAN...

Nhìn chung việc nghiên cứu về Indonesia đã được đề cập từ nhiều góc độ và quan điểm tiếp cận khác nhau, nhằm khái quát hoặc đi sâu vào những vấn đề cụ thể trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Về cơ bản, các nhà khoa học đã giải quyết được những vấn đề sau:

1. Lịch sử hình thành, phát triển của Indonesia; những đặc trưng về văn hóa, ngôn ngữ, tộc người, tôn giáo, truyền thống, bản sắc dân tộc....
2. Quá trình thực dân hoá ở Indonesia của một số nước phương Tây và việc thiết lập sự thống trị của thực dân Hà Lan.
3. Phong trào đấu tranh chống thực dân Hà Lan; cuộc đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng Dân tộc và sự ra đời của Cộng hoà Indonesia...
4. Quá trình đấu tranh bảo vệ, củng cố, xây dựng và phát triển từ 1945 đến nay; cơ hội, thách thức, thành tựu, hạn chế, kinh nghiệm...

1.2. Những vấn đề chưa được giải quyết

Các công trình nghiên cứu nêu trên chủ yếu trình bày khái quát về lịch sử Indonesia, sự ra đời và phát triển của Cộng hoà Indonesia từ năm 1945 đến nay....; hoặc chỉ đi sâu tìm hiểu, phân tích về một vấn đề cụ thể như: đặc điểm văn hoá Indonesia, nguyên nhân phát sinh và việc giải quyết các vấn đề xung đột tôn giáo, sắc tộc, về chính sách đối ngoại của Indonesia trong từng giai đoạn... Một số vấn đề chưa được nghiên cứu và có kết luận thoả đáng cả về lý thuyết và thực tiễn như: việc đánh giá như thế nào về Tổng thống Soeharto; loại hình thể chế chính trị nào là có hiệu quả nhất đối với các nước DNA sau khi giành ĐLDT...

Như vậy, cho đến thời điểm này (2009), chúng tôi chưa tiếp cận với một công trình nghiên cứu nào trùng với nội dung của Luận án.

1.3. Những vấn đề luận án tập trung làm rõ

Trên cơ sở tiếp thu kết quả nghiên cứu của các công trình trước, luận án tập trung làm sáng tỏ một số vấn đề sau:

1. Từ tình hình Indonesia và bối cảnh khu vực, thế giới giai đoạn 1945 - 1967, phân tích những nhân tố tác động đến quá trình đấu tranh củng cố ĐLDT của Indonesia giai đoạn 1967 - 1998.

2. Nghiên cứu các chính sách đã được thực hiện trong giai đoạn 1967 — 1998; so sánh với giai đoạn 1945 — 1967 và từ 1998 đến nay để đưa ra những đánh giá về việc thực hiện quá trình đấu tranh củng cố ĐLDT của Cộng hòa Indonesia giai đoạn 1967 - 1998.

3. Phân tích nguyên nhân và việc giải quyết những vấn đề đặt ra hiện nay; rút ra một số kinh nghiệm có ý nghĩa tham khảo đối với các nước đang phát triển và Việt Nam.

Trong khuôn khổ một luận án Tiến sĩ, do những điều kiện chủ quan và khách quan, có những vấn đề nêu ra mới chỉ giải quyết được một phần nào đó hoặc có những vấn đề chưa sâu, chưa thoả đáng. Tác giả sẽ tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện trong thời gian tiếp theo.

Như vậy, Luận án sẽ là công trình nghiên cứu có hệ thống về một giai đoạn phát triển của Indonesia, trên các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, đối ngoại, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng. Thực chất đây là quá trình đấu tranh của nhân dân Indonesia nhằm bảo vệ, củng cố, xây dựng và phát triển đất nước, khẳng định vị thế trong khu vực và trên thế giới.

Chương 2

BỐI CẢNH LỊCH SỬ CỦA QUÁ TRÌNH ĐẤU TRANH CUNG CỐ ĐỘC LẬP DÂN TỘC CỦA CỘNG HOÀ INDONESIA GIAI ĐOẠN 1967 – 1998

2.1. Khái quát về Indonesia

2.1.1. Đất nước và con người

2.1.1.1. Đặc điểm tự nhiên

Indonesia là quốc gia quần đảo lớn nhất thế giới với 17 500 hòn đảo lớn nhỏ. Có vị trí địa lý rất quan trọng, nằm giữa lục địa châu Á và châu Đại Dương, trên đường hàng hải Đông - Tây nối liền Thái Bình Dương (TBD) và Ấn Độ Dương. Thuộc vành đai núi lửa TBD nên hay có động đất và sóng thần, thường xảy ra thảm họa thiên tai. Tuy nhiên, Indonesia lại là nước có trữ lượng tài nguyên phong phú, đa dạng, nhất là nguồn nhiên liệu chiến lược là dầu mỏ và khí đốt. Địa hình phức tạp cùng với hoạt động của núi lửa còn tạo nên những vùng đất đai màu mỡ thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, công nghiệp.

2.1.1.2. Đặc điểm lịch sử, xã hội

Indonesia có lịch sử phát triển hơn 3000 năm, là một trong những chiếc nôi của loài người, từ thế kỷ XVI bị Hà Lan xâm chiếm và đặt ách thống trị. Ngày 17/ 8/1945, tuyên bố độc lập và đi theo thể chế cộng hoà, song vẫn tiếp tục lệ thuộc vào Hà Lan về kinh tế, chính trị, quân sự... Cuộc đấu tranh tiếp tục được thực hiện cho đến năm 1949, Indonesia mới giành được độc lập trọn vẹn.

Là quốc gia đa dân tộc với khoảng 400 tộc người; đa tôn giáo với sự chênh lệch tôn giáo điển hình; đa ngôn ngữ với khoảng 200 ngôn ngữ khác nhau, trong đó tiếng Indonesia Bahasa là ngôn ngữ chính thống.

2.1.1.3. Đặc điểm văn hoá

Tín ngưỡng đa thần giáo kết hợp với sự du nhập của các nền văn minh trên thế giới tạo nên tâm lý *tự kiểm chế*; tính đặc trưng của văn minh lúa nước và lối sống làng xã cổ truyền tạo nên tâm lý *hoà đồng*; đặc điểm địa lý cùng các yếu tố kinh tế, xã hội tạo nên tâm lý *kiểm chế đi kèm với cởi mở*. Tất cả hình thành nên đặc điểm văn hoá điển hình của Indonesia: ***kiểm chế nội tâm, hoà đồng và luôn hướng tới thống nhất trong đa dạng***.

2.1.1.4. Đặc điểm chính trị

(1) Đất nước tồn tại dựa vào tính cố kết cộng đồng, ý thức ĐLDT, thống nhất và xây dựng nhà nước trung ương tập quyền; (2) Lực lượng quân đội luôn được trọng dụng trong bộ máy nhà nước, hình thành CNTB nhà nước quan liêu quân phiệt điển hình; (3) Là nước luôn có tham vọng

trở thành cường quốc khu vực; (4) Sự cai trị lâu đời của thực dân Hà Lan cũng tạo nên một đặc điểm chính trị riêng của Indonesia.

2.1.2. Những trang sử đấu tranh chống thực dân

Từ thế kỷ XVI, khi Hà Lan xâm lược và đặt ách thống trị Indonesia, sự kháng cự của nhân dân ở đây đã diễn ra mạnh mẽ song do chênh lệch về lực lượng nên hầu hết không đạt được kết quả. Năm 1927, Đảng Dân tộc Indonesia (PNI) được thành lập do Soekarno đứng đầu. PNI có nền tảng tư tưởng là sự kết hợp giữa chủ nghĩa dân tộc, tín ngưỡng tôn giáo và chủ nghĩa cộng sản nên thu hút sự tham gia của đông đảo tầng lớp người lao động trong xã hội. Năm 1939, PNI tổ chức Đại hội nhân dân, thông qua Nghị quyết lấy tiếng *Bahasa Indonesia* làm quốc ngữ, lấy cờ hai màu đỏ — trắng làm quốc kỳ và bài hát *Indonesia Raya* làm quốc ca. Trong những năm 1940 - 1945, khi Nhật tràn vào thay thế Hà Lan, PNI chủ trương dựa vào Nhật để đấu tranh giành ĐLDT từ tay thực dân Hà Lan.

2.2. Indonesia dưới thời Tổng thống Soekarno (1945 – 1967)

2.2.1. Sự ra đời Cộng hoà Indonesia và cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập

2.2.1.1. Sự ra đời của nước Cộng hoà Indonesia tháng 8/1945

Năm 1942 sau khi thay thế Hà Lan, Nhật muốn lôi kéo sự ủng hộ của nhân dân Indonesia nên cho phép PNI tổ chức một phong trào dân tộc rộng lớn tập hợp các lực lượng trong xã hội. Lợi dụng điều này, PNI đã đứng ra kêu gọi nhân dân tiến hành cuộc vận động người Nhật trao trả độc lập. Bên cạnh đó, phong trào kháng chiến chống Nhật trong nước cũng ngày càng mạnh. Trước sức ép của các phong trào đấu tranh, Nhật hứa sẽ trao trả độc lập cho Indonesia vào tháng 1/1946, nhưng ngày 15/8/1945, Nhật đầu hàng Đồng minh. Sự kiện này là thời cơ cách mạng hiếm có và tuy còn do dự nhưng trước quyết tâm tự giành lấy độc lập bằng sức mạnh chính mình của cả dân tộc, ngày 17/8/1945 Soekarno đã thay mặt nhân dân đọc "lời "Tuyên bố độc lập" của Indonesia.

2.2.1.2. Cuộc đấu tranh bảo vệ nền độc lập

Ngay sau khi Indonesia tuyên bố độc lập, Anh và Mỹ đã ủng hộ Hà Lan quay trở lại thống trị nước này. Cộng hoà Indonesia cũng tranh thủ củng cố quyền lực, công bố Hiến pháp và thành lập Nội các gồm đại diện của tất cả các nhóm dân tộc, tôn giáo trong xã hội; thành lập quân đội để sẵn sàng đối phó với sự xâm lược của Hà Lan.

Từ 1945-1949, nhân dân Indonesia đã tiến hành cuộc đấu tranh bảo vệ nền ĐLDT. Năm 1949 với việc ký Hiệp định La Hay, Hà Lan buộc phải công nhận chủ quyền của Indonesia, song vẫn tìm cách khống chế về kinh tế, chính trị, ngoại giao... Do đó, nhân dân Indonesia lại tiếp tục cuộc đấu tranh và lần lượt thu về những thành công: phế bỏ phái đoàn quân sự Hà

Lan (1953), giành lại quyền tự chủ về ngoại giao (1954), huỷ bỏ Hiệp định La Hay (1956), thu hồi Tây Irian (1963)... Ngày 15/8/1950, phong trào đấu tranh xoá bỏ thể chế Liên bang cũng thành công và nước Cộng hoà Indonesia thống nhất được thành lập.

2.2.2. Tổng thống Soekarno và “Nền dân chủ có chỉ đạo”

Sau khi giành ĐLDT, Indonesia đối mặt với một nền kinh tế thuộc địa què quặt; chính trị, xã hội căng thẳng do những xung đột đảng phái, tôn giáo, giáo dục không được quan tâm... Để giải quyết vấn đề kinh tế, năm 1950 Indonesia triển khai chiến lược phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hoá thay thế nhập khẩu, thực hiện chính sách *kinh tế tự do*. Từ năm 1957, chuyển sang chính sách *kinh tế có chỉ đạo* với cốt lõi là cơ chế kế hoạch hoá tập trung dưới sự chỉ đạo của nhà nước theo một số định hướng cơ bản. Tuy nhiên nền kinh tế nước này vẫn chưa thoát khỏi những khó khăn, thách thức.

Năm 1957, tình hình chính trị Indonesia lâm vào khủng hoảng lớn cho thấy sự không phù hợp của nền dân chủ nghị viện kiểu phương Tây, cần thiết phải cải tổ hệ thống chính trị. Từ tháng 8/1959, “nền dân chủ có chỉ đạo” bắt đầu được vận hành, bộ máy chính trị được cải tổ theo Hiến pháp 1945; luật tự trị của các địa phương được huỷ bỏ; nghị viện bị giải tán; thành lập Quốc hội hiệp thương nhân dân (1960) với sự tham gia của Đảng cộng sản, Quân đội và PNI; loại dần lực lượng Hồi giáo khỏi nền chính trị... “Nền dân chủ có chỉ đạo” tuy thu được một số thành công, song việc loại bỏ vai trò của Hồi giáo khỏi hệ thống chính trị đã tạo nên những căng thẳng không chỉ trong nước mà cả trong quan hệ giữa Indonesia và thế giới Hồi giáo.

2.2.3. Chính sách đối ngoại và vị thế quốc tế của Indonesia

Giai đoạn này chính sách đối ngoại được thể hiện qua 3 thời kỳ: Từ 1945 — 1950 là thời kỳ hình thành nền móng và nguyên tắc trong đường lối đối ngoại theo hướng “độc lập - chủ động” (*bebas – aktif*), với ba đặc trưng quan trọng là *độc lập, chống chủ nghĩa thực dân và thực dụng*; Từ 1950 — 1957 do bị chi phối bởi sự đối đầu về hệ tư tưởng giữa CNDQ và CNXH nên chính sách đối ngoại mang nặng yếu tố “*độc lập, thực dụng, và tích cực*” nhằm bảo vệ, củng cố và giành sự công nhận của quốc tế đối với nền độc lập của Indonesia; Từ 1957 — 1965 có chuyển hướng từ thực dụng, thụ động sang tích cực, độc lập và “không liên kết”.

Với việc cho ra đời luận thuyết “NEFOS & OLDEFOS” trong đối ngoại, Indonesia nổi lên thành một lực lượng quan trọng trong phong trào không liên kết. Tuy nhiên việc thực hiện luận thuyết đó đã đẩy nước này đến việc thực hiện những hành động cực đoan, làm giảm uy tín, địa vị của

Indonesia trong khu vực các nước đang phát triển, gây ra sự đối đầu với Mỹ, phương Tây và thế giới Hồi giáo...

2.2.4. Mâu thuẫn xã hội, cuộc đảo chính 1965 và việc chuyển giao sang thời kỳ “Trật tự mới”

Những chính sách của Tổng thống Soekarno không giải quyết được triệt để các vấn đề xã hội và sự rối ren của tình hình chính trị Indonesia. Việc định ra những nguyên tắc cố định trong chính sách đối nội và đối ngoại tạo nên sự khô cứng, máy móc gây khó khăn cho việc thi hành các biện pháp cụ thể. Những cải cách chính trị, kinh tế, xã hội và việc thi hành các chính sách đối ngoại cũng không đem lại kết quả mong muốn mà còn tạo thêm những mâu thuẫn mới. Những bất đồng tồn tại âm ỉ và lớn dần trong lòng xã hội, luôn chờ cơ hội bùng phát. Đêm 30/9/1965, đảo chính quân sự nhằm lật đổ Tổng thống Soekarno nổ ra nhưng không thành công. Tuy nhiên nó đã tạo cơ sở cho lực lượng quân đội do Soeharto đứng đầu tiến hành cuộc đàn áp và loại bỏ những người cộng sản trên chính trường. Từ 1965 đến 1967, Tổng thống Soekarno mất dần uy tín và phải trao quyền tổng thống cho tướng Soeharto.

2.3. Tình hình thế giới và khu vực ĐNA thập niên 60 đến thập niên 90 của thế kỷ XX

2.3.1. Bối cảnh thế giới

2.3.1.1. Sự rạn nứt của trật tự thế giới hai cực Yanta và sự kết thúc cuộc chiến tranh lạnh

So sánh lực lượng trên thế giới những năm 60, 70 có thay đổi quan trọng: “Học thuyết Nixon” ra đời (1969); các cuộc thương lượng Xô - Mỹ trong một số vấn đề lớn diễn ra; phong trào GPDT phát triển mạnh và sự ra đời hơn 100 quốc gia độc lập. Tất cả tạo nên những biến động lớn trong quá trình tập hợp lực lượng, đưa đến những điểm nóng xung đột ở nhiều nơi trên thế giới, trong đó có ĐNA.

Đầu những năm 1980, cuộc đối đầu Xô - Mỹ bị đẩy lên mức căng thẳng, làm cho sức mạnh của cả hai nước đều suy giảm. Bên cạnh đó, sự phát triển của cách mạng công nghệ và việc xuất hiện thêm nhiều trung tâm kinh tế mới như Đức, Nhật Bản... tạo nên sự cạnh tranh với Mỹ, Liên Xô. Cả hai nước cần phải thoát khỏi thế đối đầu để có cục diện ổn định cho phát triển và đây là nguyên nhân dẫn đến quan hệ Xô - Mỹ chuyển sang đối thoại và hợp tác. Do những nguyên nhân chủ quan và khách quan trong quá trình phát triển, Liên Xô và các nước XHCN ở Đông Âu rơi vào khủng hoảng và sụp đổ (1989 — 1991), chiến tranh lạnh kết thúc dẫn đến sự đảo lộn về cơ cấu địa — chính trị và phân bố quyền lực trên phạm vi toàn cầu.

2.3.1.2. Thế giới sau chiến tranh lạnh và việc hình thành những xu thế tập hợp, liên kết lực lượng mới

Chiến tranh lạnh kết thúc tác động đến tình hình quốc tế trên tất cả các phương diện: *Về chính trị* đã tạo nên một thời kỳ quá độ trong nền chính trị thế giới để dẫn đến một trật tự thế giới mới; *Về kinh tế* là tạo điều kiện thúc đẩy xu thế đối thoại và hợp tác kinh tế trên phạm vi thế giới; *Về xã hội*, là việc mở ra thời kỳ liên kết và hội nhập trên nhiều lĩnh vực, làm tăng nhu cầu hợp tác và đối thoại quốc tế của các nước. Đây là những tiền đề rất tốt cho việc đa cực hóa các mối quan hệ, hình thành xu thế đa dạng, đa phương, mở cửa và hội nhập trong quan hệ quốc tế (QHQT) hiện nay.

2.3.2. Tình hình khu vực

2.3.2.1. Khu vực ĐNA dưới tác động của tình hình quốc tế và sự ra đời của ASEAN

Sự lôi kéo nhằm tập hợp lực lượng giữa hai phe trên thế giới giai đoạn này được thể hiện trong các chính sách của Mỹ, Trung Quốc đối với khu vực ĐNA: Mỹ thành lập khối SEATO (1954), cụ thể hoá Học thuyết Nixon ở Đông Dương (1969), giúp đỡ kinh tế các nước ĐNA hải đảo; Trung Quốc công khai thoả thuận 5 nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình trong khu vực (1954), ký với Indonesia Hiệp định về quyền công dân của Hoa kiều ở Indonesia, thông qua Hội nghị Bandung (1955)... Điều này gây lên tâm lý lo sợ bị thống trị trở lại của các nước ĐNA. Cùng với tác động của những diễn biến mới trong QHQT thập niên 60, các nước ĐNA đều thấy cần phải liên kết với nhau để tạo nên sức mạnh tập thể để đối phó với các nước lớn và đây là nguyên nhân dẫn đến việc thành lập ASEAN vào tháng 8/1967.

2.3.2.2. Chiến tranh Việt Nam kết thúc và việc xuất hiện “vấn đề Campuchia”

Năm 1975, chiến tranh Việt Nam kết thúc đã mở ra khả năng phát triển hoà bình, độc lập và tự chủ cho các nước ĐNA: Khối SEATO bị giải thể (1976); Thái Lan yêu cầu Mỹ rút quân; Philippin đề nghị Mỹ xem xét lại các hiệp ước quân sự; các nước ASEAN ký kết Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác (2/1976); quan hệ ASEAN - Đông Dương gần gũi hơn. Tuy nhiên quan hệ căng thẳng giữa các nước lớn đã trực tiếp tác động đến khu vực và đưa đến rạn nứt trong mối quan hệ vừa được thiết lập. Các tam giác mâu thuẫn chông chéo: Mỹ-Trung-Xô; Trung-Xô-Việt; Việt-Trung- Campuchia tạo nên sự phức tạp xung quanh “vấn đề Campuchia”. Năm 1991, Hiệp định hoà bình về Campuchia được ký kết chấm dứt cuộc khủng hoảng ở đây đồng thời cũng mở ra thời kỳ hợp tác và phát triển của khu vực.

2.3.2.3. ĐNA sau chiến tranh lạnh: hợp tác, khủng hoảng kinh tế – tiền tệ và ảnh hưởng của các nước lớn

Chiến tranh lạnh kết thúc, tình hình Campuchia đi vào ổn định; Mỹ rút quân khỏi 2 căn cứ quân sự ở Philippin; ASEAN-5 phát triển thành ASEAN-10 và trở thành một tổ chức khu vực ổn định, hợp tác và thống

nhất □ Tuy nhiên ĐNA vẫn tồn tại những nhân tố bất trắc đe dọa an ninh và sự phát triển. Một trong những nhân tố có ảnh hưởng lớn là mưu đồ chiến lược của các nước lớn đối với khu vực này. Bên cạnh đó, những vấn đề về phát triển kinh tế, sự bùng nổ của chủ nghĩa ly khai, xung đột sắc tộc, tôn giáo, tranh chấp biên giới, hải đảo □ là những vấn đề nóng đe dọa sự ổn định, an ninh và hợp tác của toàn khu vực cũng như mỗi nước.

Như vậy, những đặc điểm riêng trong quá trình phát triển đất nước; thực tiễn cuộc đấu tranh bảo vệ ĐLDT giai đoạn 1945 — 1967 cùng với tình hình thế giới, khu vực thời kỳ 1967 — 1998... là những nhân tố tác động trực tiếp và gián tiếp đến cuộc đấu tranh củng cố ĐLDT của Indonesia trong giai đoạn 1967 — 1998, góp phần quan trọng trong việc hoạch định đường lối và các chính sách phát triển đất nước trong hơn 30 năm, đồng thời cũng là những nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của Nội các Tổng thống Soeharto năm 1998.

Chương 3

ĐẤU TRANH CÙNG CỐ ĐỘC LẬP DÂN TỘC CỦA CỘNG HOÀ INDONESIA GIAI ĐOẠN 1967 - 1998

3.1. Những định hướng phát triển của Indonesia giai đoạn 1967- 1998

3.1.1. Mục tiêu, yêu cầu đối với chính quyền của Tổng thống Soeharto

3.1.1.1. Ổn định tình hình CT- XH, tạo tiền đề phát triển đất nước

Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến sự sụp đổ của Nội các Soekarno là những bất ổn của tình hình chính trị — xã hội. Vì vậy Soeharto xác định đây sẽ là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của chính phủ mới. Tuy nhiên với những đặc trưng về cấu tạo địa hình, thành phần dân tộc, trình độ phát triển... của Indonesia, đây cũng là một yêu cầu rất khó khăn, phức tạp.

3.1.1.2. Xác lập đường lối đối ngoại phục vụ phát triển KT-XH đất nước

Việc thực hiện luận thuyết “NEFOS & OLDEFOS” trong đối ngoại của Soekarno đã thu được thành công và góp phần nâng cao vai trò của Indonesia, song cũng đẩy Indonesia vào cuộc đụng đầu bất lợi với các cường quốc lớn. Để phù hợp với những yêu cầu từ bối cảnh quốc tế, khu vực, trong nước; Soeharto cần phải điều chỉnh mối quan hệ giữa các nước lớn đồng thời củng cố, nâng cao vai trò của Indonesia.

3.1.1.3. Củng cố và phát triển nền kinh tế dân tộc độc lập, tự chủ

Chiến lược công nghiệp hoá thay thế nhập khẩu làm xuất hiện những bất cập trong giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và công bằng xã hội; hạn chế khả năng tiếp thu kỹ thuật mới; bó hẹp thị trường; nền kinh tế phụ thuộc vào nước ngoài... Cùng với những tác động của xu hướng phát triển kinh tế khu vực và thế giới đã đặt ra yêu cầu lớn đối với Soeharto: xây dựng nền kinh tế dân tộc phát triển, hội nhập bền vững.

3.1.2. Khái quát đường lối phát triển của Cộng hoà Indonesia giai đoạn 1967-1998

Từ 1967, Soeharto đã đề xướng một lý thuyết phát triển quan trọng được gọi là “*sức đề kháng dân tộc*”. Đây là “*sức mạnh của mỗi dân tộc và khả năng đương đầu của nó với mối đe dọa sự tồn tại của dân tộc*”, gồm sức mạnh về tư tưởng, chính trị, quân sự và kinh tế. Triết lý này định hướng cho sự ra đời của chương trình “*Xây dựng Quốc gia*” trên 3 lĩnh vực chính trị, kinh tế và xã hội và chi phối chính sách phát triển của Indonesia giai đoạn 1967-1998.

3.1.2.1. Về chính trị, đối ngoại và an ninh, quốc phòng

Thiết lập “Trật tự mới” dựa trên nền dân chủ có chỉ đạo, giữ nguyên tư tưởng Pancasila, Hiến pháp 1945 song có điều chỉnh trong các biện pháp cụ thể; Chú trọng phát triển chính sách an ninh, quốc phòng theo hướng

xây dựng lực lượng quân sự vừa đủ; Tiến hành chính sách không “đối đầu” trong đối ngoại, phát triển ảnh hưởng trong khu vực và thế giới.

3.1.2.2. Về kinh tế – xã hội

Xây dựng cơ chế kinh tế thị trường, phát triển CNTB nhà nước, tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân. Lấy chiến lược “công nghiệp hoá hướng ra xuất khẩu” làm chủ đạo trong phát triển kinh tế.

3.1.2.3. Về văn hoá, tôn giáo

Củng cố và phát triển phong cách Indonesia “thống nhất trong đa dạng”. Đề cao quan điểm chủ nghĩa dân tộc trong việc thực hiện các chính sách nhằm khắc phục dần những khác biệt về dân tộc, tôn giáo và văn hoá, nhằm xây dựng một dân tộc thống nhất Indonesia.

3.2. Một số giải pháp cụ thể

3.2.1. Trên lĩnh vực chính trị, an ninh quốc phòng

3.2.1.1. Xây dựng một chính phủ có khả năng quản lý và điều tiết các hoạt động kinh tế – xã hội

Củng cố và tăng cường uy tín của nhà nước, trao cho nhà nước nhiều chức năng và vai trò quan trọng trong việc hoạch định và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cơ bản như: soạn thảo và đề xuất các mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội của đất nước; giữ vai trò điều tiết nền kinh tế...

3.2.1.2. Thực hiện chính sách an ninh quốc phòng cứng rắn, đề cao vai trò của lực lượng quân đội

Với quan điểm: sức mạnh dân tộc chỉ có thể làm tốt khi có một khả năng quốc phòng vừa đủ để đối phó với tình trạng thù trong, giặc ngoài; Soeharto đã tạo nhiều điều kiện để phát triển quân đội thành một lực lượng mạnh; đồng thời nắm giữ và kiểm chế không cho lực lượng này quá lớn mạnh để có thể tiến hành các cuộc bạo động, lật đổ chính quyền.

3.2.1.3. Ban hành những chính sách nghiêm ngặt để củng cố tư tưởng và tập trung quyền lực về tay Tổng thống

“Trật tự mới” giữ lại và đẩy lên mức cao hơn hệ thống chính trị của “nền dân chủ có chỉ đạo”. Toàn bộ đời sống chính trị, tư tưởng được đặt trong khuôn khổ của những qui định nghiêm ngặt. Điều này làm “Trật tự mới” mang đậm tính chất “dân chủ giả tạo”. Các cuộc bầu cử vẫn diễn ra đều đặn song không có cạnh tranh vì kết quả bầu cử đã được định trước.

3.2.1.4. Tiếp tục theo đuổi chính sách trung lập và không liên kết trong đối ngoại, tuy nhiên nghiêng về phía các nước phương Tây nhiều hơn

Thực hiện chính sách đối ngoại theo quan điểm “những vòng tròn đồng tâm” lấy Indonesia là trung tâm. Với học thuyết tự cường quốc gia, tự cường khu vực và đa dạng hoá quan hệ đối ngoại. Sử dụng ASEAN để thiết lập các mối quan hệ trên nhiều lĩnh vực với các nước tư bản phát triển, các

tổ chức khu vực và quốc tế nhằm thu hút vốn đầu tư, kỹ thuật, kinh nghiệm, nguồn viện trợ...

3.2.3. Trên lĩnh vực kinh tế – xã hội

3.2.2.1. Giai đoạn bước đệm 1966 - 1968

Đây là giai đoạn phục hồi nền kinh tế với 3 biện pháp quan trọng: Xây dựng chế độ tài chính lành mạnh theo quan điểm tăng thu, bù chi, mở rộng xuất khẩu, ổn định tiền tệ và kiềm chế lạm phát; Rà soát, sắp xếp lại khu vực kinh tế quốc doanh, thử nghiệm chính sách tư nhân hoá một số doanh nghiệp; Tập trung đầu tư vào một số ngành công nghiệp phục vụ xuất khẩu như chế biến nông sản, hàng tiêu dùng, dầu mỏ...

3.2.2.2. Thực hiện chính sách công nghiệp hóa hướng ra xuất khẩu, ưu tiên phát triển công nghiệp khai thác dầu mỏ (1969 – 1982)

Thực hiện ba kế hoạch 5 năm (*Repelita*) với những mục tiêu cụ thể: *Repelita* I tiếp tục khôi phục kinh tế, ổn định tăng trưởng, đưa nền kinh tế phát triển; *Repelita* II thúc đẩy tăng trưởng, nâng cao phúc lợi xã hội, chấn chỉnh bộ máy nhà nước; *Repelita* III chú trọng tăng trưởng kinh tế và thực hiện các chính sách xã hội. Chú trọng thực hiện chính sách công nghiệp hoá hướng ra xuất khẩu, ưu tiên ngành dầu mỏ... Tuy đạt được mục tiêu tăng trưởng nhưng cơ cấu kinh tế mất cân đối nghiêm trọng. Từ năm 1983, Indonesia thực hiện cải cách kinh tế vĩ mô một cách toàn diện theo hướng đa dạng hoá các ngành sản xuất, đưa nền kinh tế đi đúng quỹ đạo của kinh tế thị trường.

3.2.2.3. Cải cách kinh tế vĩ mô, đa dạng hóa các ngành sản xuất và xuất khẩu (1983 – 1997)

Cải cách kinh tế tập trung vào 2 vấn đề cơ bản là thay đổi cơ cấu kinh tế và thực hiện chính sách tài chính hữu hiệu. Đầu thập niên 90, kinh tế được phục hồi và phát triển theo hướng ổn định. Tuy nhiên, những khó khăn lại xuất hiện vào năm 1996 do những cải cách không giải quyết được các vấn đề cốt lõi của nền kinh tế: chênh lệch phát triển, nợ nước ngoài, thâm hụt các cân thương mại... đưa kinh tế Indonesia vào tình trạng khó khăn trước khi khủng hoảng tài chính 1997, 1998 tràn đến.

3.2.2.4. Tiếp tục theo đuổi cuộc “cách mạng xanh” trong nông nghiệp, mở rộng khai hoang, phục hoá

Ban hành chính sách “Công nghiệp hoá trên cơ sở tư bản hoá nông nghiệp và hiện đại hoá nông thôn” nhằm mục đích củng cố nông thôn, tạo điều kiện cho tự do hoá sản xuất nông nghiệp. Với các biện pháp như: Thực hiện chính sách điều tiết theo cơ chế thị trường, tổ chức lại mạng lưới hợp tác xã nông nghiệp, tiến hành thu mua lương thực của nông dân bằng giá cả cạnh tranh sát với giá cả trên thị trường tự do; Tiếp tục “cách mạng

xanh” trong nông nghiệp; Tăng cường đầu tư các cơ sở hạ tầng và phúc lợi xã hội cho nông thôn; Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp...

3.2.2.5. Thực hiện các chính sách xã hội

Đưa ra một hệ thống quản lý hành chính thống nhất trên toàn quốc; Tiến hành chính sách di dân, khai hoang, thực hiện phân bổ lại lực lượng lao động hợp lý; Khuyến khích và tăng việc làm ở những vùng trước đây chưa được quan tâm; Chú trọng giải quyết những vấn đề về phân phối thu nhập, điều tiết các hoạt động kinh tế — xã hội; Thực hiện chính sách kế hoạch hoá gia đình; Tăng cường ngân sách cho giáo dục - đào tạo □

3.2.3. Một số chính sách về văn hoá, dân tộc, tôn giáo

3.2.3.1. Thực hiện chính sách “thống nhất trong đa dạng” trong lĩnh vực văn hoá

Thực hiện chính sách văn hoá dân tộc theo hướng tôn trọng tâm lý hoà đồng, dân chủ với sự “thống nhất trong đa dạng”. Các biện pháp cụ thể là: Lấy những tiêu chí của người Java để đưa ra những qui định chung; Dùng tiếng Indonesia để khống chế tuyệt đối các phương tiện thông tin; Nhấn mạnh “thống nhất quốc gia” bao hàm sự thống nhất về thể chế, kinh tế và văn hoá... Tuy nhiên, việc áp dụng một cách máy móc và không tôn trọng lối sống văn hoá riêng của các dân tộc đang sinh sống ở Indonesia đã đem lại những kết quả trái với mong đợi.

3.2.3.2. Chính sách dân tộc, tôn giáo

Thực hiện các chính sách nhằm khắc phục tình trạng phân tán, xung đột tôn giáo, sắc tộc như: Cho phép một số vùng đất được hưởng qui chế tự trị; Gia tăng đầu tư để phát triển cơ sở hạ tầng cho các vùng dân tộc thiểu số; Thực hiện chính sách di dân nhằm loại bỏ những cách biệt về mặt văn hoá; Hạn chế vai trò của lực lượng Hồi giáo trong các hoạt động chính trị — xã hội...

3.3. Thành công và hạn chế trong tiến trình củng cố ĐLDT của Indonesia giai đoạn 1967 - 1998

3.3.1. Kết quả đạt được

3.3.1.1. Về an ninh, chính trị, đối ngoại

Giữ vững và ổn định tình hình an ninh, chính trị trong nước; được sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế, tạo ra những tiền đề căn bản cho phát triển kinh tế, xã hội.

3.3.1.2. Về kinh tế, xã hội

Cơ bản đạt được mục tiêu khôi phục kinh tế, tạo mức tăng trưởng ổn định và từng bước đưa nền kinh tế đi lên, từ đó ổn định tình hình xã hội.

3.3.1.3. Vấn đề văn hoá, dân tộc, tôn giáo

Thực hiện được một phần mục tiêu xây dựng một dân tộc đoàn kết thống nhất Indonesia.

3.3.2. Một số hạn chế

3.3.2.1. Tình trạng độc đoán, chuyên quyền, quân phiệt và mất dân chủ của bộ máy chính quyền Tổng thống Soeharto

Việc chính phủ đề cao và san sẻ quyền lực cho giới quân sự làm cho giới tướng lĩnh cao cấp trong quân đội ngày càng trở nên chuyên quyền, hống hách; Việc tập trung quyền lực chính trị và loại bỏ phe đối lập đưa đến tình trạng mất dân chủ... Nội các Soeharto trở thành một chính quyền độc tài quân sự.

3.3.2.2. Tình trạng tham nhũng, lợi dụng chức quyền trong bộ máy nhà nước ngày càng lớn

Quá trình tăng trưởng kinh tế giai đoạn 1967 — 1998 diễn ra cùng với sự phát triển ngày càng lớn của tình trạng tham nhũng. Tình trạng này khoét sâu thêm sự yếu kém của bộ máy quản lý nhà nước, làm người dân mất lòng tin vào chính phủ.

3.3.2.3. Kinh tế phát triển mất cân đối, thiếu tính bền vững

Quá chú trọng đến công nghiệp khai thác dầu mỏ khiến cơ cấu kinh tế mất cân đối, phụ thuộc, bấp bênh. Điều chỉnh năm 1983 chỉ ổn định kinh tế vĩ mô mà không giải quyết được những vấn đề cụ thể. Việc quá lệ thuộc vào nguồn vốn ngoài nước tạo điều kiện cho các tổ chức tiền tệ can thiệp sâu hơn vào nền kinh tế, gây khó khăn trong hoạch định đường lối phát triển kinh tế.

3.3.2.4. Mâu thuẫn sắc tộc, tôn giáo tiếp tục gay gắt, tiềm ẩn sự bất ổn định về chính trị, xã hội

Sự phức tạp trong đặc điểm dân tộc, tôn giáo; chênh lệch trong trình độ phát triển; áp dụng theo cách quân sự hoá những chính sách kinh tế, xã hội... đã châm ngòi cho những cuộc xung đột xảy ra. Các phong trào ly khai trên các vùng đảo như Aceh, Đông Timo, Klimantan, Irian Jaya, Malacu... bùng phát và tồn tại dai dẳng gây ra sự bất ổn chính trị — xã hội.

Như vậy, trong “Trật tự mới”, Tổng thống Soeharto đã thực hiện các chính sách kinh tế, xã hội theo hướng củng cố và tăng cường uy tín của bộ máy nhà nước. Nhà nước thực hiện được sự cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế với ổn định chính trị và công bằng xã hội. Tuy nhiên trong các biện pháp cụ thể, chính phủ đã mắc phải một số hạn chế, làm cho những bất đồng từ giai đoạn trước vẫn tồn tại và đe dọa sự ổn định của đất nước. Khủng hoảng tiền tệ châu Á cùng với toan tính của các nước lớn thông qua các tổ chức kinh tế, tiền tệ quốc tế đã làm sụp đổ triều đại của Tổng thống Soeharto.

Chương 4

MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ NHỮNG KINH NGHIỆM TỪ QUÁ TRÌNH Củng Cố ĐLDT CỦA CỘNG HOÀ INDONESIA

4.1. Những vấn đề đặt ra từ quá trình phát triển của Indonesia

4.1.1. *Tiếp tục khẳng định và nâng cao vị thế của Indonesia trong khu vực và trên thế giới hiện nay*

Với vị trí chiến lược quan trọng, Indonesia luôn mong muốn khẳng định vị thế của mình. Điều này được thể hiện trong luận thuyết “NEFOS & OLDEFOS” của Soekarno (1945 — 1967); trong quan điểm đối ngoại “tự cường dân tộc, tự cường khu vực” của Soeharto (1967 — 1998). Hiện nay, bằng những thành công trong cải cách chính trị; giải quyết hoà bình các xung đột tôn giáo, sắc tộc; xây dựng mô hình hợp tác chống khủng bố Indonesia đang nhận được sự ủng hộ của thế giới, góp phần nâng cao vai trò của mình trong các diễn đàn khu vực và thế giới.

4.1.2. *Đấu tranh giữ vững ổn định chính trị – xã hội để củng cố độc lập và phát triển*

Ổn định chính trị — xã hội là điều kiện cần thiết để củng cố ĐLDT, Tổng thống Soekarno và Soeharto đã giải quyết vấn đề này bằng cách xây dựng và lợi dụng sức mạnh của quân đội. Tuy nhiên, đây là điểm yếu trong đối nội vì nó gây nên sự phản ứng của nhiều tầng lớp xã hội, làm tăng tình trạng phụ thuộc của các chính phủ vào quân đội. Sau năm 1998, Indonesia chủ trương giải quyết các bất đồng, xung đột bằng con đường hoà bình để đảm bảo an ninh, trật tự và phát triển. Những chính sách cải cách kinh tế, xã hội của Tổng thống Susilo thời gian qua đang thu được thành công, vì vậy ông lại tiếp tục được bầu làm Tổng thống nhiệm kỳ 2009 — 2014 ở Indonesia.

4.1.3. *Thúc đẩy dân chủ hoá đời sống xã hội*

“Nền dân chủ có chỉ đạo” được xây dựng từ năm 1959 theo hướng tập trung quyền lực trong tay Tổng thống và quân đội được Soeharto tiếp tục thực hiện trong giai đoạn 1967 — 1998. Từ đó thiết lập một nền dân chủ có giới hạn, phục vụ cho tầng lớp trên và đẩy một bộ phận lớn người dân ra ngoài lề xã hội, tạo nên những mâu thuẫn gay gắt. Sau năm 1998, Indonesia đã tiến hành cải cách thể chế chính trị, sửa đổi Hiến pháp, hạn chế vai trò của quân đội... Thành công của những cải cách này được thể hiện rất rõ trong các cuộc bầu cử năm 2009 ở Indonesia vừa qua.

4.1.4. Bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ trong tiến trình hội nhập quốc tế hiện nay

Giải quyết tốt mối quan hệ giữa ĐLDT, chủ quyền quốc gia và hội nhập quốc tế luôn là một bài toán khó. Từ việc đóng cửa nền kinh tế để bảo vệ ĐLDT trong giai đoạn 1945-1967 không thành công; trong giai đoạn 1967-1998, Soeharto đã đưa kinh tế Indonesia hội nhập vào nền kinh tế quốc tế để tận dụng những cơ hội cũng như phát huy những thế mạnh của mình trong phát triển và đã đạt được mục tiêu bảo vệ và giữ vững ĐLDT. Tuy nhiên việc vấp phải sai lầm trong một số chính sách cụ thể đã thổi bùng những mâu thuẫn có sẵn trong xã hội, đe dọa phá vỡ sự toàn vẹn lãnh thổ. Cùng với những thay đổi theo hướng tích cực của tình hình kinh tế, chính trị, xã hội trong thế kỷ XXI; việc đảm bảo một cách hài hoà mối quan hệ giữa ĐLDT, chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ với hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế khu vực và quốc tế cũng đang được Indonesia đặc biệt chú trọng.

4.1.5. Vấn đề tôn giáo, sắc tộc và cuộc đấu tranh chống khủng bố

Các chính sách văn hoá, dân tộc theo hướng “thống nhất trong đa dạng” ; cùng với đó là chính sách di dân, các chương trình tái định cư, chính sách quản lý nguồn tài nguyên □ đã vô tình làm mất dần vai trò của một bộ phận dân tộc thiểu số và đẩy họ ra xa hơn với chính quyền của “Trật tự mới”, dẫn đến những mâu thuẫn tiềm ẩn và bùng phát xung đột trong xã hội. Sau năm 1998, Indonesia đang cố gắng để tìm ra giải pháp tốt nhất cho vấn đề này. Về cơ bản chính sách “thống nhất trong đa dạng” vẫn được thực hiện nhưng mang tính dân chủ hơn, chú ý nhiều hơn đến những yếu tố mang tính bản sắc của văn hoá các dân tộc thiểu số.

4.2. Một số kinh nghiệm từ con đường phát triển của Indonesia đối với các nước đang phát triển

4.2.1. Giữ vững ổn định chính trị – xã hội, tiền đề để phát triển đất nước

Nhằm tạo nên một môi trường chính trị, xã hội ổn định để phát triển, Soeharto đã thực hiện chính sách chính trị cứng rắn dựa vào quân đội; chính sách kinh tế theo hướng ưu tiên cho khu vực kinh tế tư nhân; chính sách xã hội theo hướng “hoà hợp dân tộc”... và đã thu được thành công. Tuy nhiên, từ đây cũng nảy sinh những xung đột lợi ích về kinh tế, chính trị, mâu thuẫn xã hội... làm cho Indonesia rơi vào cuộc khủng hoảng xã hội trầm trọng trước khi lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế 1997, 1998. Đây là bài học cần tránh đối với các nước đang phát triển nói chung.

4.2.2. Từng bước thực hiện dân chủ hoá xã hội và phát triển nhà nước pháp quyền

Việc tập trung quyền lực trong tay quân đội làm cho chính phủ Soeharto trở thành một chính quyền độc tài quân sự khó có thể chấp nhận trong thời

đại hiện nay. Từ 1998 đến nay, Indonesia đang có những cố gắng trong cải cách chính trị theo hướng dân chủ và bước đầu thu được thành công. Kinh nghiệm của Indonesia trong vấn đề này cho chúng ta một bài học quan trọng về xây dựng nhà nước pháp quyền và dân chủ hoá xã hội, thực hiện quy chế dân chủ trong phát triển.

4.2.3. Thực hiện chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ; đa dạng hoá, đa phương hoá QHQT; chú trọng quan hệ láng giềng, khu vực và tạo thế cân bằng trong quan hệ với các nước lớn

Trong xu thế đa dạng, đa phương hoá QHQT hiện nay, chính sách đối ngoại trên nguyên tắc “độc lập — tích cực” của Indonesia đem đến cho các nước đang phát triển nhiều kinh nghiệm quý. Muốn thiết lập một mối quan hệ đa dạng cân chủ động, tích cực, tuy nhiên không vì thế mà bỏ qua tính độc lập tự chủ của mỗi quốc gia dân tộc. Có như vậy các nước mới thực hiện được sự “hoà nhập” mà không bị “hoà tan” vào thế giới.

4.3. Khả năng vận dụng kinh nghiệm của Indonesia đối với quá trình phát triển của Việt Nam

4.3.1. Phát triển nông nghiệp, nông thôn trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước

Cùng có xuất phát điểm giống nhau khi tiến hành CNH, do biết chú trọng tới kinh tế nông nghiệp, nông thôn thông qua việc thực hiện chủ trương “CNH nông nghiệp”; Indonesia (1967-1998) và Việt Nam hiện nay đã thu được 1 số thành công trong lĩnh vực này. Tuy nhiên, việc thực hiện không kiểm soát chặt chẽ các chính sách cụ thể làm cho vấn đề này không được giải quyết thoả đáng, một số biện pháp trở nên không còn phù hợp khi nước này hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế thế giới... Đây là bài học kinh nghiệm rất thiết thực đối với Việt Nam hiện nay.

4.3.2. Chiến lược phát triển kinh tế đối ngoại

Kinh nghiệm xây dựng mô hình tăng trưởng kinh tế theo hướng mở, thu hút FDI... của Indonesia cũng cho chúng ta một bài học thiết thực. Muốn tăng trưởng bền vững, phải coi trọng một cách hợp lý các nguồn lực. Toàn cầu hoá kinh tế tạo cơ hội cho các nguồn vốn lưu chuyển và chúng ta tiếp cận nó dễ hơn; Song để giữ và biến nó thành nguồn lực lâu dài cho phát triển là một việc rất khó. Vì vậy, để hạn chế bớt những khó khăn từ vấn đề này, cách tốt nhất là cố gắng khai thác tối đa nguồn lực trong nước, tăng cường hợp tác với những nước trong khu vực. Không nên vì để có FDI mà phải chấp nhận một cách vô điều kiện những đòi hỏi ngày càng nhiều hơn của các nhà đầu tư nước ngoài.

4.3.3. Phát triển nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của nhà nước

Việt Nam xây dựng kinh tế thị trường từ một nước có nền kinh tế tập trung bao cấp, các yếu tố thị trường không có điều kiện để phát triển toàn

diện. Vì vậy, Nhà nước không chỉ đóng vai trò điều tiết toàn bộ nền kinh tế đất nước mà còn có thêm vai trò thiết lập các yếu tố thị trường theo định hướng XHCN, giống một “bà đỡ” cho sự ra đời của kinh tế thị trường. Quá trình này ở Việt Nam có nét gần gũi với giai đoạn 1965 — 1968 ở Indonesia, vì vậy những kinh nghiệm của Indonesia rất cần cho chúng ta.

4.3.4. Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước

Thành công của Indonesia trong vấn đề đào tạo nguồn nhân lực là một kinh nghiệm tốt để chúng ta học tập. Nếu thật sự coi giáo dục là “quốc sách hàng đầu” thì cần phải đầu tư hơn nữa cho giáo dục, cần phát huy tối đa tinh thần năng động sáng tạo trong nhân dân, huy động sự đóng góp từ nhiều nguồn khác nhau để cải tạo các cơ sở giáo dục - đào tạo, thực hiện các chế độ ưu đãi đối với các nhà khoa học, các giáo sư và chuyên gia hàng đầu trong các ngành khoa học có nhiều đóng góp cho đất nước... Trong xu thế hội nhập hiện nay, cần tránh tình trạng thương mại hoá giáo dục - đào tạo, đề cao giáo dục văn hoá truyền thống, lòng tự hào dân tộc và ý thức tự cường quốc gia...

4.3.5. Phòng, chống tham nhũng và làm trong sạch bộ máy lãnh đạo của đất nước

Từ bài học về tham nhũng và chống tham nhũng của Indonesia, chúng ta thấy: cần xây dựng một cơ chế loại bỏ những khả năng làm nảy sinh tệ nạn tham nhũng, hối lộ trong hệ thống chính trị đất nước; rèn rũa tư cách đạo đức của đội ngũ cán bộ trong bộ máy nhà nước... Nguồn gốc của tham nhũng này là những kẽ hở của luật pháp, là sự chi phối của các quan hệ thân quen, là sự kém hiểu biết về pháp luật của người dân, là tình trạng thiếu đạo đức của một nhóm những người có chức quyền trong xã hội. Để chống tham nhũng, hối lộ có hiệu quả, Nhà nước cần phải đẩy mạnh và quyết tâm đưa cuộc cải cách hành chính hiện nay đến thắng lợi.

4.3.6. Về sự phát triển đồng đều và bền vững

Bài học của Indonesia trong vấn đề này cho thấy, một nền kinh tế tăng trưởng nhanh là rất cần thiết song muốn phát triển bền vững, cần chú ý nhiều hơn đến việc phân phối công bằng các lợi ích của sự phát triển. Đây chính là sợi dây liên kết, là chất keo kết dính, nuôi dưỡng ý thức quốc gia — dân tộc cho tất cả các dân tộc đang sinh sống trong xã hội.

Như vậy, những thành công và hạn chế trong giai đoạn 1967 - 1998 đã tác động và đặt ra những vấn đề cần giải quyết trong sự phát triển hiện nay của Indonesia. Là những nước cùng nằm trong khu vực ĐNA với những điểm tương đồng và khác biệt, những kinh nghiệm của Indonesia rất có ích cho Việt Nam cả trên hai mặt thành công và chưa thành công.

KẾT LUẬN

Từ quá trình đấu tranh củng cố ĐLDT, phát triển đất nước của Indonesia giai đoạn 1967 — 1998, chúng ta rút ra một số kết luận sau:

1. Từ những đặc điểm riêng của đất nước, sau khi thoát khỏi ách thống trị của thực dân Hà Lan và thành lập nước Cộng hoà, Indonesia đã chọn cho mình một con đường đấu tranh riêng để củng cố và bảo vệ ĐLDT. Con đường đó được định hướng theo các tiêu chí “không liên kết”, “độc lập, chủ động”, “thống nhất trong đa dạng”, tích cực hội nhập với khu vực và thế giới. Song luôn được điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của bối cảnh khu vực, thế giới và thực tế phát triển của đất nước. Trong giai đoạn 1967 — 1998, Nội các Soeharto đã thực hiện sự điều chỉnh lớn trong các chính sách kinh tế, chính trị và đối ngoại nhằm đưa đất nước phát triển phù hợp hơn với một giai đoạn lịch sử mới.

2. Bối cảnh trong nước, khu vực và thế giới cuối thập niên 60, 70 thế kỷ XX đặt ra trước Tổng thống Soeharto những yêu cầu cấp thiết: ổn định chính trị, xã hội; phát triển kinh tế vững chắc; thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ... nhằm củng cố ĐLDT, bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Để giải quyết các vấn đề đó, Nội các Soeharto đã thực hiện sự điều chỉnh trong các chính sách theo quan điểm “tự cường dân tộc”:

Về chính trị, xây dựng “Trật tự mới” theo hướng tăng cường và phát huy vai trò của bộ máy nhà nước. Hình thành liên minh chính trị — xã hội vững chắc bao gồm những giai cấp giàu có và truyền thống trong xã hội, tạo điều kiện cho Tổng thống khẳng định và duy trì quyền lực chính trị.

Về kinh tế, thực thi cơ chế kinh tế thị trường có điều tiết, lấy “công nghiệp hoá hướng ra xuất khẩu”, xây dựng đất nước theo 3 mục tiêu: ổn định, tăng trưởng và điều tiết làm chiến lược chủ đạo.

Về đối ngoại, thực hiện chính sách đối ngoại không “đối đầu” nhằm khẳng định vai trò của Indonesia trong khu vực và trên thế giới. Khẳng định vai trò nước lớn của khu vực bằng những hoạt động tích cực trong giải quyết các vấn đề khu vực...

Sự điều chỉnh này đã mang lại những thành công quan trọng cho Indonesia. *Về đối nội* là sự ổn định tương đối của tình hình chính trị — xã hội, tạo điều kiện cho việc thực hiện các chính sách mà chính quyền trung ương ban hành. *Về đối ngoại* là việc nâng cao vị trí và tầm ảnh hưởng của Indonesia trong giải quyết các vấn đề của khu vực và quốc tế. *Về kinh tế* là đưa Indonesia thoát khỏi tình trạng nghèo đói và trở thành một trong những quốc gia có tốc độ phát triển nhanh ở khu vực Đông Á.

3. Trong khi thực hiện các biện pháp cụ thể, Nội các Soeharto đã bộc lộ một số hạn chế trong việc giải quyết các vấn đề kinh tế — xã hội; sự bình đẳng giữa các dân tộc và những công bằng về lợi ích giữa các tôn giáo... Những hạn chế này làm cho các bất đồng từ thời Tổng thống trước chưa được giải quyết triệt để, sau một thời gian tạm lắng lại bùng lên. Hạn chế không được giải quyết triệt để và đó là một trong những nguyên nhân cơ bản đưa đến sự sụp đổ của Nội các Soeharto vào tháng 5/1998.

4. Những thành công và thất bại trong phát triển của Indonesia giai đoạn 1967—1998 đặt ra những yêu cầu thiết thực trong các giai đoạn sau. Đó là những đòi hỏi về phục hồi, phát triển kinh tế, ổn định xã hội; chống tham nhũng; giảm nhẹ hậu quả của thiên tai; chống đói nghèo và chênh lệch mức sống; cải cách theo hướng dân chủ hoá xã hội; thực hiện các chính sách dân tộc, tôn giáo theo hướng công bằng, mềm mỏng hơn. Đây là những vấn đề mà người dân Indonesia đang mong chờ sự giải quyết. Mong muốn đó được thể hiện rõ trong 2 cuộc bầu cử ở Indonesia vừa qua, đó là **“hoà bình và ổn định để phục hồi và phát triển kinh tế”**.

5. Giai đoạn 1967 — 1998 là thời kỳ Indonesia bắt đầu thực hiện quá trình CNH, đây cũng là giai đoạn đất nước này trải qua tất cả những thử thách mà mỗi nền kinh tế đang phát triển trên thế giới đều phải trải qua trong quá trình CNH. Vì vậy, các nước đang phát triển và Việt Nam có thể tham khảo những kinh nghiệm từ con đường phát triển của Indonesia.

Như vậy, với hơn 30 năm củng cố và phát triển đất nước dưới sự lãnh đạo của Tổng thống Soeharto, tình hình chính trị - xã hội của Indonesia khá ổn định, tiềm lực kinh tế của đất nước ngày một tăng lên, ĐLDT ngày càng được củng cố, uy tín quốc tế được khẳng định. Tuy nhiên, đất nước này hiện nay vẫn đang phải đối mặt với rất nhiều thách thức, nhất là những khó khăn trong việc giải quyết các vấn đề tôn giáo, sắc tộc; ly khai; tham nhũng, đói nghèo và khủng bố. Đây đều là những hệ quả từ các chính sách phát triển chưa phù hợp trong một thời gian dài. Bối cảnh thế giới, khu vực và trong nước hiện nay đang đặt ra một yêu cầu cấp thiết đối với chính phủ và nhân dân Indonesia, đó là phải giải quyết một cách triệt để và hiệu quả hơn tất cả các vấn đề trên. Các Nội các lên cầm quyền ở Indonesia sau năm 1998 đã có những cố gắng lớn và thu được những thành công quan trọng. Từ tiến trình phát triển của Cộng hoà Indonesia giai đoạn 1967 - 1998 cho chúng ta thấy, nếu mỗi quốc gia trên thế giới tìm được một con đường phát triển phù hợp thì điều này không chỉ góp phần củng cố một cách vững chắc ĐLDT và chủ quyền quốc gia; mà nó còn thúc đẩy nhanh chóng sự phát triển kinh tế — xã hội của đất nước, góp phần ổn định tình hình chính trị, xã hội. Đây chính là những điều kiện quyết định sự thành công trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ ĐLDT của mỗi quốc gia trong bối cảnh hiện nay.